

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 12 - 2025
V/v yêu cầu tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Sơn

Bà Lê Thị Bảy

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H; sinh năm: 1982; CCCD số: 038182010300; nơi cư trú: Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Lê Văn C; sinh năm: 1983; CCCD số: 038083006636; nơi cư trú: Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh C. Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn C đã tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện theo phong tục địa phương từ năm 2002, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng tại Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình chung sống, chị và anh C có hai con chung. Sau ngày cưới, chị và anh C chung sống hoà thuận đến đầu năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính

tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Do thời gian chung sống, anh chị bận công việc, thường xuyên đi làm và không am hiểu pháp luật nên mặc dù chung sống với nhau như vợ chồng đã lâu nhưng vẫn chưa đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C.

Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là cháu Lê Văn T, sinh ngày 07/10/2002 và cháu Lê Thị Thuý N, sinh ngày 27/7/2006. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn C để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh C không có mặt nên không có lời khai của anh C và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh C không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 14; 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Lê Văn C. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lê Văn C, nơi cư trú tại Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 8 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh C không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh

C theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh C đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Bùi Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn C lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh C vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Lê Văn C đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2002, chung sống với nhau như vợ chồng và có hai con chung. Chị H và anh C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Trong cuộc sống, chị H và anh C xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Chị H và anh C đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Chị H yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C. Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Lê Văn C.

[3] Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14; 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Lê Văn C có 02 con chung là cháu Lê Văn T, sinh ngày 07/10/2002 và cháu Lê Thị Thuý N, sinh ngày 27/7/2006. Chị H không yêu cầu đối với hai cháu nên Toà án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0002098 ngày 06/10/2025. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Kiên Thọ;
- THADS cấp tỉnh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh